

**DỰ KIẾN DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2026 - 2027 TRƯỜNG THPT TRẦN NHÂN TÔNG**



STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
1	700073	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	05/09/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 4	8.75	7.50	8.95	0.00	0.00	25.20
2	700023	TRẦN VŨ TUẤN ANH	Nam	15/01/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 1	8.00	8.50	5.85	0.00	0.00	22.35
3	700013	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	08/10/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 1	5.50	8.50	7.70	0.00	0.00	21.70
4	700022	TRẦN THỊ MAI ANH	Nữ	24/09/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 1	7.75	7.75	6.00	0.00	0.00	21.50
5	700009	NGUYỄN KIỀU ANH	Nữ	18/11/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 1	7.75	8.00	5.25	0.00	0.00	21.00
6	700001	LẠI THẾ AN	Nam	11/11/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 1	8.00	7.25	5.25	0.00	0.00	20.50
7	700006	MAI VIỆT ANH	Nam	16/11/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 1	5.00	7.75	7.60	0.00	0.00	20.35
8	700007	NGÔ VÂN ANH	Nữ	19/08/2011	THCS Nghĩa Lâm	Phòng 1	6.50	7.50	6.00	0.00	0.00	20.00
9	700024	VŨ ĐẶNG ĐỨC ANH	Nam	15/03/2011	THCS Doãn Khuê	Phòng 1	7.25	6.75	5.30	0.00	0.00	19.30
10	700020	PHẠM THỊ KIM ANH	Nữ	18/02/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 1	6.50	7.00	5.60	0.00	0.00	19.10
11	700008	NGUYỄN HỒNG ANH	Nữ	30/06/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 1	6.25	6.75	5.10	0.00	0.00	18.10
12	700021	TRẦN ĐỨC ANH	Nam	20/11/2011	THCS Doãn Khuê	Phòng 1	6.75	7.00	4.00	0.00	0.00	17.75
13	700002	VŨ QUỐC AN	Nam	17/03/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 1	5.75	7.00	4.85	0.00	0.00	17.60
14	700004	ĐOÀN TUẤN ANH	Nam	27/10/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 1	5.50	6.00	6.00	0.00	0.00	17.50
15	700017	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	27/03/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 1	7.00	5.75	4.70	0.00	0.00	17.45
16	700012	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	20/04/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 1	5.50	8.00	3.70	0.00	0.00	17.20
17	700011	NGUYỄN LÂM NHẬT ANH	Nam	29/09/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 1	6.25	5.75	3.50	1.00	0.00	16.50
18	700018	NGUYỄN TRẦN NGỌC ANH	Nữ	08/04/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 1	3.75	6.75	5.35	0.00	0.00	15.85
19	700010	NGUYỄN KIM ANH	Nữ	11/07/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 1	5.75	7.00	3.00	0.00	0.00	15.75
20	700019	PHẠM QUỲNH ANH	Nữ	02/11/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 1	5.25	7.00	3.45	0.00	0.00	15.70
21	700003	ĐOÀN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	03/06/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 1	3.75	7.00	4.85	0.00	0.00	15.60
22	700015	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	Nữ	12/11/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 1	3.50	5.25	5.95	0.00	0.00	14.70
23	700039	HOÀNG BẢO CHÂU	Nam	08/05/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 2	8.25	8.00	8.40	0.00	0.00	24.65
24	700025	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	21/10/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 2	7.50	7.75	6.75	0.00	0.00	22.00



**ĐU KIẾN DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2026 - 2027 TRƯỜNG THPT TRẦN NHÂN TÔNG**

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
1	700029	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	14/10/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 2	8.00	7.25	6.55	0.00	0.00	21.80
2	700047	NGUYỄN THỊ CHÚC	Nữ	13/07/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 2	7.50	8.00	5.85	0.00	0.00	21.35
3	700043	PHẠM THỊ QUỲNH CHI	Nữ	03/03/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 2	7.75	7.25	5.65	0.00	0.00	20.65
4	700032	PHẠM QUỐC BẢO	Nam	05/09/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 2	8.50	6.75	5.25	0.00	0.00	20.50
5	700030	NGUYỄN THÁI BẢO	Nam	26/02/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 2	7.50	7.50	5.35	0.00	0.00	20.35
6	700031	NGUYỄN VĂN BẢO	Nam	08/01/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 2	8.50	7.50	4.10	0.00	0.00	20.10
7	700028	NGUYỄN DUY BẢO	Nam	27/09/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 2	7.00	6.75	6.00	0.00	0.00	19.75
8	700035	VƯƠNG GIA BẢO	Nam	20/04/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 2	5.50	7.50	5.00	0.00	0.00	18.00
9	700038	NGUYỄN THỊ BẢO CHÂM	Nữ	01/11/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 2	7.75	6.00	4.25	0.00	0.00	18.00
10	700041	ĐOÀN THỊ MAI CHI	Nữ	10/04/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 2	7.25	6.25	4.45	0.00	0.00	17.95
11	700046	VŨ THỊ YẾN CHI	Nữ	14/02/2011	THCS Nghĩa Lâm	Phòng 2	5.75	6.50	5.70	0.00	0.00	17.95
12	700033	PHAN QUỐC BẢO	Nam	28/05/2011	THCS Doãn Khuê	Phòng 2	6.00	6.75	4.75	0.00	0.00	17.50
13	700034	VŨ GIA BẢO	Nam	14/07/2011	THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng 2	5.50	6.75	5.10	0.00	0.00	17.35
14	700042	ĐỖ QUẾ CHI	Nữ	06/05/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 2	6.25	7.00	3.75	0.00	0.00	17.00
15	700048	NGUYỄN TIẾN CHƯƠNG	Nam	20/06/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 2	6.00	6.00	5.00	0.00	0.00	17.00
16	700044	TRẦN THỊ QUỲNH CHI	Nữ	05/02/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 2	5.25	6.25	5.10	0.00	0.00	16.60
17	700026	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	30/08/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 2	4.75	7.25	3.75	0.00	0.00	15.75
18	700040	VŨ BẢO CHÂU	Nam	03/10/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 2	6.75	6.00	2.75	0.00	0.00	15.50
19	700037	TRẦN Á BẰNG	Nữ	03/10/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 2	4.25	6.50	4.35	0.00	0.00	15.10
20	700071	TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	05/11/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 3	7.25	7.25	7.55	0.00	0.00	22.05
21	700068	PHẠM YẾN ĐAN	Nữ	10/07/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 3	8.25	8.50	5.00	0.00	0.00	21.75
22	700067	VŨ XUÂN DƯƠNG	Nam	10/06/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 3	6.50	7.75	6.90	0.00	0.00	21.15
23	700056	ĐỖ NGỌC DIỆP	Nữ	07/07/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 3	7.75	7.25	6.05	0.00	0.00	21.05
24	700050	LƯU VĂN CƯỜNG	Nam	25/01/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 3	7.50	6.75	6.70	0.00	0.00	20.95



**DỰ KIẾN DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2026 - 2027 TRƯỜNG THPT TRẦN NHÂN TÔNG**

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
1	700057	TRẦN THỊ BÍCH DIỆP	Nữ	14/07/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 3	8.00	7.75	5.00	0.00	0.00	20.75
2	700062	NGUYỄN VIỆT DŨNG	Nam	05/05/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 3	7.50	4.75	8.50	0.00	0.00	20.75
3	700054	NGUYỄN HỒNG DIỄM	Nữ	22/11/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 3	8.00	6.75	5.65	0.00	0.00	20.40
4	700072	HOÀNG VIỆT MINH ĐĂNG	Nam	21/06/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 3	7.00	7.50	5.25	0.00	0.00	19.75
5	700055	TRẦN THỊ HỒNG DIỄM	Nữ	04/08/2011	THCS Doãn Khuê	Phòng 3	7.75	6.00	5.70	0.00	0.00	19.45
6	700058	TRỊNH THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	25/09/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 3	6.50	6.25	6.50	0.00	0.00	19.25
7	700066	LẠI NHẬT DƯƠNG	Nam	06/04/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 3	6.50	6.25	6.50	0.00	0.00	19.25
8	700059	NGUYỄN THỊ HUYỀN DIỆU	Nữ	22/05/2011	THCS Phúc Thắng	Phòng 3	5.75	7.50	5.75	0.00	0.00	19.00
9	700061	NGUYỄN TẤN DŨNG	Nam	17/03/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 3	6.50	7.00	5.50	0.00	0.00	19.00
10	700064	TRẦN ĐỨC DUY	Nam	03/05/2011	THCS Doãn Khuê	Phòng 3	7.75	6.00	4.50	0.00	0.00	18.25
11	700051	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	Nam	07/02/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 3	6.00	6.25	5.90	0.00	0.00	18.15
12	700049	NGUYỄN QUỐC CÔNG	Nam	19/10/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 3	6.00	6.50	5.50	0.00	0.00	18.00
13	700053	ĐINH THỊ NGỌC DIỄM	Nữ	15/07/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 3	6.75	6.25	4.25	0.00	0.00	17.25
14	700065	TRẦN THỊ NGỌC DUYÊN	Nữ	07/12/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 3	6.25	5.00	5.45	0.00	0.00	16.70
15	700069	ĐỖ THỊ BÍCH ĐÀO	Nữ	10/09/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 3	3.75	7.00	3.25	0.00	0.00	14.00
16	700082	HOÀNG TRUNG HẢI	Nam	15/10/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 4	8.75	7.50	8.70	0.00	0.00	24.95
17	700080	TRẦN THỊ THANH HÀ	Nữ	08/06/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 4	8.50	8.00	7.00	0.00	0.00	23.50
18	700079	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	16/01/2011	THCS Nam Thái	Phòng 4	7.50	8.25	7.40	0.00	0.00	23.15
19	700092	VŨ THANH HIỀN	Nữ	13/01/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 4	8.00	8.50	6.20	0.00	0.00	22.70
20	700090	HOÀNG GIA HÂN	Nam	28/07/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 4	8.50	7.00	6.75	0.00	0.00	22.25
21	700078	NGUYỄN THỊ HÀ	Nữ	30/08/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 4	8.00	6.75	6.85	0.00	0.00	21.60
22	700095	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	11/05/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 4	7.75	8.25	4.25	0.00	0.00	20.25
23	700085	PHẠM ĐỨC HẢI	Nam	14/06/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 4	8.50	6.25	5.35	0.00	0.00	20.10
24	700093	NGUYỄN HOÀNG GIA HIẾU	Nam	01/02/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 4	8.00	6.75	5.25	0.00	0.00	20.00

**DỰ KIẾN DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2026 - 2027 TRƯỜNG THPT TRẦN NHÂN TÔNG**



STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
1	700076	MAI HƯƠNG GIANG	Nữ	25/08/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 4	6.00	6.75	7.05	0.00	0.00	19.80
2	700089	TÔ TIÊN HẢO	Nam	03/07/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 4	8.00	6.50	5.25	0.00	0.00	19.75
3	700088	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	Nữ	16/12/2011	THCS Nghĩa Lâm	Phòng 4	6.00	7.75	5.70	0.00	0.00	19.45
4	700096	VŨ DUY HIẾU	Nam	26/09/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 4	6.75	5.75	5.75	0.00	0.00	18.25
5	700086	TRẦN HOÀNG HẢI	Nam	02/12/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 4	6.50	6.25	4.95	0.00	0.00	17.70
6	700084	NGUYỄN VĂN HẢI	Nam	27/10/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 4	6.50	6.25	4.35	0.00	0.00	17.10
7	700077	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	02/01/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 4	5.50	5.00	5.25	0.00	0.00	15.75
8	700074	PHẠM HẢI ĐĂNG	Nam	20/08/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 4	4.25	5.75	5.10	0.00	0.00	15.10
9	700113	PHẠM THU HƯƠNG	Nữ	09/03/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 5	7.75	7.00	8.15	0.00	0.00	22.90
10	700104	LÊ ĐÌNH HÙNG	Nam	02/01/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 5	7.75	6.50	8.20	0.00	0.00	22.45
11	700119	NGUYỄN VĂN KHÁNH	Nam	21/06/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 5	7.75	6.75	7.55	0.00	0.00	22.05
12	700120	ĐÌNH TRẦN ANH KHOA	Nam	02/11/2011	THCS Nghĩa Lâm	Phòng 5	7.25	6.75	6.80	0.00	0.00	20.80
13	700114	TRẦN MINH HƯỜNG	Nam	31/08/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 5	8.00	6.25	6.50	0.00	0.00	20.75
14	700117	NGÔ MINH KHÁNH	Nam	23/11/2011	THCS Liễu Đề	Phòng 5	7.75	6.25	6.60	0.00	0.00	20.60
15	700118	NGUYỄN GIA KHÁNH	Nam	17/07/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 5	7.50	6.25	5.85	0.00	0.00	19.60
16	700103	BÙI LÂM HÙNG	Nam	26/03/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 5	7.75	5.25	6.35	0.00	0.00	19.35
17	700102	VŨ HUY HOÀNG	Nam	14/04/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 5	7.00	6.50	5.60	0.00	0.00	19.10
18	700097	TRẦN VĂN HOAN	Nam	08/11/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 5	8.00	7.00	4.00	0.00	0.00	19.00
19	700111	NGUYỄN HẢI HÙNG	Nam	26/05/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 5	6.75	5.75	6.15	0.00	0.00	18.65
20	700112	PHẠM VĂN HÙNG	Nam	06/10/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 5	8.25	5.25	4.65	0.00	0.00	18.15
21	700108	ĐẶNG THU HUYỀN	Nữ	19/10/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 5	6.75	5.00	5.75	0.00	0.00	17.50
22	700109	TRẦN THỊ PHƯƠNG HUYỀN	Nữ	26/05/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 5	6.50	5.25	5.20	0.00	0.00	16.95
23	700098	NGÔ VIỆT HOÀNG	Nam	19/12/2011	THCS Nghĩa Tân	Phòng 5	5.75	6.25	3.95	0.00	0.00	15.95
24	700101	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	23/10/2011	THCS Liễu Đề	Phòng 5	4.00	5.00	6.75	0.00	0.00	15.75

**DỰ KIẾN DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2026 - 2027 TRƯỜNG THPT TRẦN NHẬT TÔNG**



STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
1	700106	PHẠM ĐỨC HUY	Nam	14/10/2011	THCS Nghĩa Lâm	Phòng 5	5.50	6.00	3.70	0.00	0.00	15.20
2	700115	TRẦN DUY BẢO KHANG	Nam	17/05/2011	THCS Hàn Thuyên	Phòng 5	3.75	5.25	6.10	0.00	0.00	15.10
3	700110	VŨ THỊ THU HUYỀN	Nữ	19/04/2011	THCS Nghĩa Tân	Phòng 5	3.75	5.50	5.10	0.00	0.00	14.35
4	700100	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	06/05/2011	THCS Nghĩa Hưng	Phòng 5	6.25	3.75	4.25	0.00	0.00	14.25
5	700144	VŨ DIỆU LINH	Nữ	08/10/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 6	8.00	8.50	7.40	0.00	0.00	23.90
6	700143	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	03/12/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 6	7.75	8.25	6.65	0.00	0.00	22.65
7	700142	TRẦN THỊ NGỌC LINH	Nữ	23/12/2010	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 6	8.00	7.50	6.70	0.00	0.00	22.20
8	700130	VŨ THỊ LAN	Nữ	08/05/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 6	7.00	7.25	7.05	0.00	0.00	21.30
9	700140	TRẦN THỊ DIỆU LINH	Nữ	09/01/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 6	7.75	7.00	6.25	0.00	0.00	21.00
10	700129	TRẦN THỊ MAI LAN	Nữ	14/08/2011	THCS Liễu Đề	Phòng 6	6.50	6.50	7.80	0.00	0.00	20.80
11	700132	DƯƠNG THUYẾT LINH	Nữ	19/07/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 6	7.75	7.00	5.80	0.00	0.00	20.55
12	700123	TRẦN TRUNG KIÊN	Nam	23/09/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 6	7.50	7.25	5.50	0.00	0.00	20.25
13	700134	NGUYỄN PHAN NHẬT LINH	Nam	01/03/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 6	6.50	5.75	6.75	0.00	0.00	19.00
14	700138	PHẠM THỊ LINH	Nữ	18/02/2011	THCS Nghĩa Tân	Phòng 6	6.75	7.25	4.90	0.00	0.00	18.90
15	700125	ĐỖ MINH KIẾT	Nam	19/08/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 6	7.75	5.75	5.25	0.00	0.00	18.75
16	700135	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	18/10/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 6	6.50	7.50	4.75	0.00	0.00	18.75
17	700137	NGUYỄN THỰC LINH	Nữ	17/10/2011	THCS Phùng Chí Kiên	Phòng 6	5.50	6.75	6.10	0.00	0.00	18.35
18	700122	PHẠM VĂN KHOA	Nam	15/07/2011	THCS Doãn Khuê	Phòng 6	2.75	6.25	8.20	0.00	0.00	17.20
19	700139	PHẠM TRẦN HÀ LINH	Nam	03/09/2011	THCS Nghĩa Lâm	Phòng 6	5.25	5.75	6.05	0.00	0.00	17.05
20	700141	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	09/12/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 6	4.75	6.75	5.20	0.00	0.00	16.70
21	700126	NGUYỄN TUẤN KIẾT	Nam	08/11/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 6	5.50	5.25	5.55	0.00	0.00	16.30
22	700167	TRẦN TRÀ MY	Nữ	07/11/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 7	8.00	7.75	7.20	0.00	0.00	22.95
23	700159	TÔ THỊ TUYẾT MAI	Nữ	21/05/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 7	8.00	7.75	6.60	0.00	0.00	22.35
24	700162	LƯU QUANG MINH	Nam	18/08/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 7	7.75	7.00	6.70	0.00	0.00	21.45

**DỰ KIẾN DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2026 - 2027 TRƯỜNG THPT TRẦN NHÂN TÔNG**



STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
1	700164	NGUYỄN TIẾN MINH	Nam	09/07/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 7	8.00	7.25	6.05	0.00	0.00	21.30
2	700146	NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	10/08/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 7	7.25	6.75	7.15	0.00	0.00	21.15
3	700168	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	Nam	13/04/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 7	7.50	6.25	6.70	0.00	0.00	20.45
4	700160	VŨ THỊ XUÂN MAI	Nữ	30/01/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 7	7.25	7.50	5.45	0.00	0.00	20.20
5	700153	TRẦN KHÁNH LY	Nữ	12/10/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 7	7.75	7.00	5.25	0.00	0.00	20.00
6	700165	PHẠM NHẬT MINH	Nam	27/11/2011	THCS Nghĩa Lâm	Phòng 7	7.00	7.50	5.20	0.00	0.00	19.70
7	700155	TRẦN THỊ KHÁNH LY	Nữ	26/04/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 7	7.00	6.50	5.95	0.00	0.00	19.45
8	700150	NGUYỄN TIẾN LỘC	Nam	18/03/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 7	6.75	6.25	6.35	0.00	0.00	19.35
9	700147	NGUYỄN VĂN LONG	Nam	30/01/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 7	5.50	7.75	5.70	0.00	0.00	18.95
10	700158	HOÀNG THỊ THANH MAI	Nữ	19/03/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 7	7.75	5.50	5.00	0.00	0.00	18.25
11	700154	TRẦN THỊ ÁNH LY	Nữ	03/10/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 7	7.25	6.00	4.85	0.00	0.00	18.10
12	700157	ĐOÀN HIỀN MAI	Nữ	02/03/2011	THCS Hàn Thuyên	Phòng 7	4.50	6.75	5.85	0.00	0.00	17.10
13	700161	LIU NHẬT MINH	Nam	18/07/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 7	6.50	5.75	4.50	0.00	0.00	16.75
14	700156	TRẦN THỊ KHÁNH LY	Nữ	03/04/2011	THCS Doãn Khuê	Phòng 7	5.50	6.00	5.00	0.00	0.00	16.50
15	700151	VŨ LÊ QUANG LỘC	Nam	25/11/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 7	3.75	6.25	5.60	0.00	0.00	15.60
16	700148	TRẦN HUY LONG	Nam	29/11/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 7	5.25	6.00	4.00	0.00	0.00	15.25
17	700149	TRẦN MINH LONG	Nam	28/10/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 7	6.75	4.00	4.25	0.00	0.00	15.00
18	700185	TRẦN THỊ YÊN NHI	Nữ	27/12/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 8	7.75	7.75	7.20	0.00	0.00	22.70
19	700179	VŨ HOÀNG NGUYỄN	Nam	01/01/2011	THCS Liễu Đề	Phòng 8	7.00	6.00	8.05	0.00	0.00	21.05
20	700182	PHẠM THỊ LINH NHI	Nữ	09/12/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 8	7.75	5.75	6.95	0.00	0.00	20.45
21	700169	TRẦN HOÀI NAM	Nam	19/04/2011	THCS Doãn Khuê	Phòng 8	6.25	7.75	6.10	0.00	0.00	20.10
22	700175	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	21/08/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 8	7.25	6.75	6.05	0.00	0.00	20.05
23	700172	NGUYỄN TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	28/11/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 8	7.50	6.50	5.40	0.00	0.00	19.40
24	700183	PHAN YÊN NHI	Nữ	08/10/2011	THCS Doãn Khuê	Phòng 8	5.75	7.00	6.00	0.00	0.00	18.75

**DỰ KIẾN DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NAM HỌC 2026 - 2027 TRƯỜNG THPT TRẦN NHÂN TÔNG**



STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
1	700188	BÙI TỎ NHƯ	Nữ	19/11/2011	THCS Tổng Văn Trân	Phòng 8	6.00	5.75	3.75	1.00	1.50	18.00
2	700178	VŨ BẢO NGUYỄN	Nam	14/10/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 8	6.50	6.00	5.35	0.00	0.00	17.85
3	700173	PHÙNG BẢO NGỌC	Nữ	28/10/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 8	6.75	5.25	5.75	0.00	0.00	17.75
4	700180	ĐẶNG THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	02/01/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 8	6.75	5.25	5.75	0.00	0.00	17.75
5	700171	ĐẶNG KIM NGÂN	Nữ	05/10/2011	THCS Ninh Khang	Phòng 8	5.50	7.25	4.65	0.00	0.00	17.40
6	700170	NGUYỄN THỊ NGÀ	Nữ	15/07/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 8	6.00	6.00	4.95	0.00	0.00	16.95
7	700174	TRẦN KHÁNH NGỌC	Nữ	30/09/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 8	6.50	6.25	4.20	0.00	0.00	16.95
8	700189	HOÀNG KHÁNH NHƯ	Nữ	13/02/2011	THCS Nghĩa Lâm	Phòng 8	5.25	6.50	5.10	0.00	0.00	16.85
9	700184	TRẦN THỊ PHƯƠNG NHI	Nữ	02/06/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 8	6.50	6.25	3.50	0.00	0.00	16.25
10	700186	VƯƠNG YẾN NHI	Nữ	05/11/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 8	5.75	5.50	5.00	0.00	0.00	16.25
11	700176	TRẦN THỊ KHÁNH NGỌC	Nữ	03/10/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 8	7.50	4.75	2.50	0.00	0.00	14.75
12	700187	NGÔ THỊ THỦY NHUNG	Nữ	11/05/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 8	4.50	6.00	3.55	0.00	0.00	14.05
13	700201	VŨ HỒNG PHÚC	Nam	29/07/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 9	5.75	7.50	7.45	0.00	0.00	20.70
14	700215	TRẦN QUANG SƠN	Nam	04/09/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 9	7.50	7.50	5.25	0.00	0.00	20.25
15	700195	TRẦN ĐẶNG TRUNG PHONG	Nam	07/02/2011	THCS Lý Tự Trọng	Phòng 9	7.00	7.75	5.20	0.00	0.00	19.95
16	700200	TRẦN BẢO PHÚC	Nam	12/03/2011	THCS Liễu Đề	Phòng 9	7.50	5.75	6.50	0.00	0.00	19.75
17	700194	NGUYỄN TIÊN PHONG	Nam	18/03/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 9	5.75	6.50	7.25	0.00	0.00	19.50
18	700196	VŨ ĐỨC PHONG	Nam	24/06/2011	THCS Phùng Chí Kiên	Phòng 9	6.25	6.00	7.00	0.00	0.00	19.25
19	700197	VŨ HOÀNG PHONG	Nam	14/01/2011	THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng 9	6.50	6.75	5.80	0.00	0.00	19.05
20	700216	VŨ THỊ NGÂN SƯƠNG	Nữ	22/10/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 9	5.75	7.25	6.05	0.00	0.00	19.05
21	700193	NGUYỄN THÀNH PHONG	Nam	01/09/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 9	7.00	6.00	5.70	0.00	0.00	18.70
22	700207	VŨ ĐẶNG QUANG	Nam	19/10/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 9	7.25	6.00	5.25	0.00	0.00	18.50
23	700209	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	07/10/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 9	5.75	6.00	6.60	0.00	0.00	18.35
24	700212	TRẦN THỦY QUỲNH	Nữ	28/12/2011	THCS Hải Châu	Phòng 9	6.75	5.50	5.45	0.00	0.00	17.70

DỰ KIẾN DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2026 - 2027 TRƯỜNG THPT TRẦN NHÂN TÔNG



STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
1	700199	ĐẶNG XUÂN PHÚC	Nam	25/09/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 9	6.50	5.50	5.00	0.00	0.00	17.00
2	700203	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	20/03/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 9	5.75	6.00	5.00	0.00	0.00	16.75
3	700202	ĐẶNG THỊ HOÀI PHƯƠNG	Nữ	11/10/2011	THCS Hải Châu	Phòng 9	5.50	6.50	4.00	0.00	0.00	16.00
4	700204	TRẦN THỊ PHƯỢNG	Nữ	01/01/2011	THCS Nghĩa Lâm	Phòng 9	5.00	6.50	4.50	0.00	0.00	16.00
5	700211	VŨ MẠNH QUÂN	Nam	07/12/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 9	6.75	5.00	4.25	0.00	0.00	16.00
6	700205	NGUYỄN MINH QUANG	Nam	26/10/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 9	5.75	4.50	5.60	0.00	0.00	15.85
7	700208	ĐỖ MINH QUÂN	Nam	14/10/2011	THCS Nghĩa Tân	Phòng 9	5.75	5.50	4.60	0.00	0.00	15.85
8	700213	ĐINH VĂN SƠN	Nam	11/09/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 9	6.50	6.00	3.25	0.00	0.00	15.75
9	700206	NGUYỄN XUÂN VINH QUANG	Nam	24/12/2011	THCS Lộc Vượng	Phòng 9	5.00	4.75	5.25	0.00	0.00	15.00
10	700210	NGUYỄN VĂN QUÂN	Nam	20/04/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 9	5.50	5.00	4.25	0.00	0.00	14.75
11	700198	ĐINH THÀNH PHÚ	Nam	08/09/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 9	3.50	4.50	6.25	0.00	0.00	14.25
12	700231	TRẦN THỊ THANH THẢO	Nữ	09/05/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 10	8.25	6.75	7.55	0.00	0.00	22.55
13	700230	TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	27/12/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 10	7.75	7.00	6.95	0.00	0.00	21.70
14	700228	HOÀNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	30/11/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 10	7.75	6.50	7.05	0.00	0.00	21.30
15	700224	BÀN THỊ HOÀI THANH	Nữ	02/11/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 10	7.00	8.00	5.25	1.00	0.00	21.25
16	700240	NGUYỄN NGỌC THỦY	Nữ	27/07/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 10	6.75	7.25	7.25	0.00	0.00	21.25
17	700218	LÊ VĂN TÂM	Nam	04/07/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 10	7.25	7.75	6.05	0.00	0.00	21.05
18	700236	TRẦN ĐÌNH THIẾT	Nam	15/06/2011	THCS Mỹ Xá	Phòng 10	5.50	7.50	7.10	0.00	0.00	20.10
19	700235	TRẦN ĐỨC THIỆN	Nam	23/09/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 10	8.25	5.75	5.90	0.00	0.00	19.90
20	700232	VŨ THỊ THU THẢO	Nữ	24/04/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 10	6.25	6.75	6.50	0.00	0.00	19.50
21	700238	ĐỖ ĐỨC THỊNH	Nam	27/07/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 10	6.75	6.00	6.30	0.00	0.00	19.05
22	700229	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	16/09/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 10	7.00	6.00	5.85	0.00	0.00	18.85
23	700222	TRẦN XUÂN THÁI	Nam	11/02/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 10	8.00	7.00	3.50	0.00	0.00	18.50
24	700221	TRẦN QUỐC THÁI	Nam	06/11/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 10	7.25	5.50	5.35	0.00	0.00	18.10

**DỰ KIẾN DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2026 - 2027 TRƯỜNG THPT TRẦN NHÂN TÔNG**



STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
1	700223	VĂN ĐÌNH THÁI	Nam	04/06/2011	THCS Nghĩa Trung	Phòng 10	7.75	6.50	3.50	0.00	0.00	17.75
2	700225	NGUYỄN DUY THANH	Nam	27/07/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 10	7.50	5.75	4.50	0.00	0.00	17.75
3	700234	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	Nam	08/10/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 10	6.50	5.25	6.00	0.00	0.00	17.75
4	700237	ĐOÀN ĐỨC THỊNH	Nam	26/09/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 10	7.25	5.25	4.50	0.00	0.00	17.00
5	700239	TRẦN VĂN THUẬN	Nam	26/06/2010	THCS Nghĩa Phú	Phòng 10	6.75	5.00	4.95	0.00	0.00	16.70
6	700217	TRẦN VĂN SỸ	Nam	17/02/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 10	6.75	4.75	4.25	0.00	0.00	15.75
7	700233	VŨ VĂN THẢO	Nam	25/08/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 10	4.50	6.00	4.75	0.00	0.00	15.25
8	700220	PHẠM TRỌNG TẤN	Nam	20/12/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 10	6.00	5.75	3.00	0.00	0.00	14.75
9	700226	TRẦN THỊ MAI THANH	Nữ	01/10/2011	THCS Doãn Khuê	Phòng 10	5.75	5.25	3.25	0.00	0.00	14.25
10	700250	NGUYỄN THỦY TIÊN	Nữ	02/05/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 11	8.00	8.00	8.80	0.00	0.00	24.80
11	700244	HOÀNG KIM THƯ	Nữ	30/01/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 11	8.00	8.25	7.85	0.00	0.00	24.10
12	700256	TRẦN LƯU ĐỨC TÔNG	Nam	08/02/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 11	8.00	7.00	9.00	0.00	0.00	24.00
13	700241	VŨ THU THỦY	Nữ	28/01/2011	THCS Doãn Khuê	Phòng 11	7.50	7.50	7.25	0.00	0.00	22.25
14	700261	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	12/08/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 11	8.00	7.75	6.45	0.00	0.00	22.20
15	700248	TRẦN THỊ MINH THƯ	Nữ	21/07/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 11	8.25	7.25	6.35	0.00	0.00	21.85
16	700257	ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	25/07/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 11	7.50	7.25	6.90	0.00	0.00	21.65
17	700251	TRẦN BẢO TIÊN	Nữ	30/11/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 11	7.50	7.25	6.50	0.00	0.00	21.25
18	700264	TRẦN THỊ THU TRANG	Nữ	17/06/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 11	7.00	7.25	6.35	0.00	0.00	20.60
19	700252	TRẦN THỊ THỦY TIÊN	Nữ	24/03/2011	THCS Liễu Đề	Phòng 11	7.50	6.50	6.30	0.00	0.00	20.30
20	700259	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	09/06/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 11	7.25	7.75	5.30	0.00	0.00	20.30
21	700247	TRẦN ANH THƯ	Nữ	30/06/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 11	8.50	7.00	4.50	0.00	0.00	20.00
22	700249	TRẦN THỊ BẢO THY	Nữ	17/10/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 11	5.75	7.25	7.00	0.00	0.00	20.00
23	700246	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	24/10/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 11	7.25	6.00	6.60	0.00	0.00	19.85
24	700263	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	05/02/2011	THCS Doãn Khuê	Phòng 11	7.75	6.50	5.35	0.00	0.00	19.60

**DỰ KIẾN DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2026 - 2027 TRƯỜNG THPT TRẦN NHÂN TÔNG**



STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	KK	Tổng điểm
1	700268	NGUYỄN VŨ BẢO TRÂM	Nữ	11/05/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 12	4.75	6.75	5.00	0.00	0.00	16.50
2	700279	VŨ ANH TUẤN	Nam	19/09/2011	THCS Hải Châu	Phòng 12	6.25	6.25	3.75	0.00	0.00	16.25
3	700265	VŨ THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	28/10/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 12	6.00	5.25	4.50	0.00	0.00	15.75
4	700287	TRỊNH THU UYÊN	Nữ	24/10/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 12	5.00	5.75	5.00	0.00	0.00	15.75
5	700280	VŨ ANH TUẤN	Nam	17/11/2011	THCS Nghĩa Phong	Phòng 12	4.50	5.50	4.50	0.00	0.00	14.50
6	700269	TRẦN ĐỨC TRÍ	Nam	26/09/2011	THCS Hải Châu	Phòng 12	5.25	5.75	3.00	0.00	0.00	14.00
7	700292	VŨ THỊ YẾN VI	Nữ	30/09/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 13	7.50	7.25	5.80	0.00	0.00	20.55
8	700293	ĐOÀN QUỐC VIỆT	Nam	10/08/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 13	6.75	5.75	7.55	0.00	0.00	20.05
9	700304	HOÀNG HẢI YẾN	Nữ	25/05/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 13	7.50	7.25	5.00	0.00	0.00	19.75
10	700290	NGUYỄN TƯỜNG VI	Nữ	16/01/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 13	5.75	7.00	6.15	0.00	0.00	18.90
11	700307	NGUYỄN TRẦN BẢO YẾN	Nữ	15/01/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 13	8.00	7.50	3.35	0.00	0.00	18.85
12	700297	PHẠM CÔNG VINH	Nam	08/05/2011	THCS Nghĩa Hồng	Phòng 13	7.25	7.00	4.25	0.00	0.00	18.50
13	700303	BÙI THỊ HẢI YẾN	Nữ	11/08/2011	THCS Doãn Khuê	Phòng 13	6.00	6.75	5.35	0.00	0.00	18.10
14	700309	VŨ HẢI YẾN	Nữ	14/04/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 13	6.75	6.25	5.10	0.00	0.00	18.10
15	700301	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	07/11/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 13	6.50	5.50	5.85	0.00	0.00	17.85
16	700291	TRẦN PHƯƠNG VI	Nữ	24/06/2011	THCS Nghĩa Lâm	Phòng 13	6.50	6.75	4.50	0.00	0.00	17.75
17	700294	LƯƠNG NGỌC VIỆT	Nam	05/02/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 13	7.75	5.75	4.05	0.00	0.00	17.55
18	700296	LƯƠNG THẾ VINH	Nam	11/11/2011	THCS Liễu Đẻ	Phòng 13	6.50	5.50	5.25	0.00	0.00	17.25
19	700308	TRẦN THỊ HẢI YẾN	Nữ	01/04/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 13	6.50	6.25	4.25	0.00	0.00	17.00
20	700300	ĐẶNG THỊ TƯỜNG VY	Nữ	30/01/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 13	5.25	7.25	4.35	0.00	0.00	16.85
21	700310	VŨ NGỌC YẾN	Nữ	22/12/2011	THCS Nghĩa Sơn	Phòng 13	5.50	5.00	6.30	0.00	0.00	16.80
22	700298	ĐOÀN MINH VŨ	Nam	01/06/2011	THCS Nghĩa Tân	Phòng 13	5.75	6.25	3.35	0.00	0.00	15.35
23	700289	VŨ THỊ THẢO VÂN	Nữ	29/09/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 13	5.25	5.25	4.75	0.00	0.00	15.25
24	700306	NGUYỄN PHẠM HOÀNG YẾN	Nữ	10/10/2011	THCS Nghĩa Phú	Phòng 13	4.75	6.50	3.85	0.00	0.00	15.10
25	700295	ĐẶNG THẾ VINH	Nam	19/04/2011	THCS Nghĩa Lạc	Phòng 13	4.00	6.50	3.50	0.00	0.00	14.00